

Số: 19/2021/QĐST -HNGĐ

Tuy An, ngày 14 tháng 6 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Điều – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.
2. Bà Phạm Thị Thùy Lê – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2021/TLST- HNGĐ ngày 06/4/2021, về việc: “ Xin ly hôn ”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn B, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn anh Võ Văn B đều thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Thị Huyền T, sinh ngày 18/6/2013. Anh Võ Văn

B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- **Về tài sản chung:** Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-**Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị H thỏa thuận chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 03506 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bị đơn anh B thỏa thuận chịu 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- THADS huyện T;
- VKS nhân dân huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Bình

